

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**  
**Bảng chi tiết thay đổi Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2022**

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1	Căn cứ pháp lý	<p><b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chỉnh sửa lần thứ 15 theo Nghị quyết số 02/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021</li> <li>- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;</li> <li>- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh bao gồm các nội dung sau:</li> </ul>	<p><b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11/01/2022;</li> <li>- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”);</li> <li>- Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế Hoạt động Hội đồng Quản trị của Công ty (sau đây gọi là “Quy chế này”), bao gồm các nội dung sau:</li> </ul>	Viết lại ngắn gọn và cập nhật các căn cứ pháp lý hiện hành
2	Điều 1	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty. Các thuật ngữ viết hoa trong Quy chế này có nghĩa được quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	Bổ sung dẫn chiếu để không cần quy định thêm điều khoản giải thích thuật ngữ
3	Bỏ Điều 2	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p>		Như đã trình bày ở trên, các định nghĩa

	<p>a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>b) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Công ty, cổ đông và những người liên quan đến công ty;</p> <p>c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p> <p>d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;</p> <p>e) “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>f) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>g) “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các cá nhân giữ chức danh khác do Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>h) “Người điều hành Công ty” là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Công ty do Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>i) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Công ty do Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>j) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>k) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>l) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;</p>		được dẫn chiếu về Điều lệ Công ty
--	--	--	-----------------------------------

		<p>m) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>n) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Quy chế.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.</p>		
4	Khoản 1 Điều 4	<p><b>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>	<p><b>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>	Bổ sung dẫn chiếu cho phù hợp
5	Khoản 1 Điều 6	<p><b>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên.</p>	<p><b>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.</p>	Viết lại theo khoản 1 Điều 22 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
6	Khoản 3 Điều 6	<p><b>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.</p>	<p><b>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị</p>	Viết lại theo khoản 2 Điều 22 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

			mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.	
7	Bổ Khoản 4 Điều 6	<b>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b> 4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.		Loại bỏ vì nội dung đã được quy định Dự thảo Điều lệ và Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
8	Khoản 1 Điều 7	<b>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc một trong các lĩnh vực về chứng khoán, tài chính, ngân hàng, pháp luật và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 công ty khác; d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.	<b>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị</b> 1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung của các thành viên Hội đồng Quản trị : a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc một trong các lĩnh vực về chứng khoán, tài chính, ngân hàng, pháp luật và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty. c. Không phải là tổng giám đốc, giám đốc, thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác. d. Không được từng là thành viên hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.	Viết lại theo khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
9	Khoản 2 Điều 7	<b>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b> 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;	<b>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị</b> 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị: a. Không phải là người đang làm việc tại Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;	Viết lại theo khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp

10	Khoản 1 Điều 8	<b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	<b>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b> 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.	Viết lại theo khoản 1 Điều 34 Dự thảo Điều lệ
11	Khoản 2 Điều 8	<b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.	<b>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc.	Viết lại cho rõ ràng
12	Khoản 3 Điều 8	<b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	<b>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b> 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng Cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;	Viết lại theo quy định của Điều lệ hiện hành
13	Bổ sung điểm f, g, h, i, j, k, l, m, n, o khoản 3 Điều 7		<b>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b> 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng Quản trị; g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng Quản trị; h. Lên lịch họp Hội đồng Quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị; i. Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng Quản trị; j. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc; k. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị với Chủ tịch Hội đồng Quản trị; l. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ đông, xử lý yêu cầu trích lục, cung cấp tài liệu, thông tin của Cổ đông và giám sát việc cung cấp tài liệu, thông tin cho Cổ đông;	Bổ sung theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Điều lệ hiện hành

			<p>m. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng Quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>n. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng Quản trị;</p> <p>o. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;</p>	
14	Khoản 4 Điều 8	<p><b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.</p>	<p><b>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Việc báo cáo và công bố thông tin miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty.</p>	Sửa đổi theo Điều 27 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
15		<p><b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị bị trống, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc bị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản</p>	<p><b>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b></p> <p>5. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có) đương nhiên thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cùng vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng Quản trị khác thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ.</p> <p>6. Trường hợp không có Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc không ủy quyền cho thành viên khác hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ</p>	Sửa đổi theo Điều 34 Dự thảo Điều lệ



		trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. Trong thời gian chưa bầu được người tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì Phó Chủ tịch có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.	
16	Bỏ Khoản 5 Điều 8	<b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 5. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 49 Điều lệ Công ty.		Loại bỏ vì nội dung này đã được quy định tại Điều 42 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.
17	Bổ sung điều 8 Dự thảo		<b>Điều 8. Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b> 1. Hội đồng Quản trị có thể bầu một thành viên làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. 2. Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: a. Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. b. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. 3. Trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Việc báo cáo và công bố thông tin miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu người thay thế Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị được thực hiện tương tự như Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	Bổ sung theo khoản 5 Điều 34 Dự thảo Điều lệ và khoản 3 Điều 25 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

18	Khoản 1,3 Điều 9	<p><b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;</p> <p>b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng Quản trị bị mất năng lực hành vi;</p> <p>e. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.</p>	Viết lại theo Quy chế hiện hành và khoản 1 Điều 26 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
19	Khoản 2 Điều 9	<p><b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Viết lại cho rõ ràng
20	Khoản 4 Điều 9	<p><b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Trong trường hợp này, việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này;</p>	<p><b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên được bầu trước đó. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p>	Viết lại theo Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và khoản 4 Điều 26 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty



		c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	c. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
21	Bổ sung Khoản 4 Điều 9 Dự thảo		<b>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị</b> 4. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Hội đồng Quản trị phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày có thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Hội đồng Quản trị.	Bổ sung theo khoản 4 Điều 26 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
22	Điểm a,b Khoản 1 Điều 10	<b>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau: a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị;	<b>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</b> 1. Số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau: a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị; b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;	Sửa đổi tỉ lệ để đảm bảo thống nhất với với Điều 30 Dự thảo Điều lệ
23	Khoản 3 Điều 10	<b>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b> 3. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng	<b>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b> 3. Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị được Ban tổ chức in sẵn với danh sách các ứng viên sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt và được đóng dấu Công ty. 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng	Viết lại theo Điều 24 Dự thảo Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty

		<p>số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một (01) hoặc một số ứng cử viên. Tuy nhiên, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu tối đa số ứng viên Hội đồng Quản trị mà Công ty yêu cầu trên tổng số ứng cử viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>5. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.</p> <p>6. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông ấn định trước đó.</p>	
24	Bỏ điểm f khoản 1 Điều 11	<p><b>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>		Loại bỏ theo khoản 2 Điều 30 Dự thảo Điều lệ
25	Khoản 2, 3 Điều 11	<p><b>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</p>	<p><b>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định về công bố thông tin.</p>	Viết lại cho rõ ràng

26	Điểm a Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p>	Viết lại theo khoản 1 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
27	Điểm e Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng và quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty;</p>	Viết lại theo khoản 5 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
28	Điểm f Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này</p>	Viết lại theo khoản 6 Điều 20 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
29	Điểm g Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua việc ký kết, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p>	Viết lại theo khoản 7 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Nội dung thông qua việc ký kết hợp đồng được quy định cụ thể tại Điều 13 Dự thảo Quy chế này (xem tại Điều 13)

		theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;		
30	Điểm h Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và người điều hành quan trọng của Công ty được quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của các người điều hành đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	Viết lại theo khoản 10 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
31	Điểm j Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; quyết định góp vốn, mua, bán cổ phần, phân vốn góp tại doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và hoạt động mua bán, sáp nhập với doanh nghiệp khác mà không phải hoạt động đầu tư tự doanh và kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p>	Viết lại theo khoản 12 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
32	Điểm o Khoản 2 Điều 12	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>o) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty; Quyết định</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban quản</p>	Viết lại theo khoản 17 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

		sửa đổi Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.	trị rủi ro, Tiêu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty;	
33	Bổ sung điểm p, q, r, s, t, u, v, w, x, y Khoản 2 Điều 12 Dự thảo	<p><b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>p. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Công ty;</p> <p>q. Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;</p> <p>r. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty;</p> <p>s. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</p> <p>t. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;</p> <p>u. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;</p> <p>v. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu của Pháp luật;</p> <p>w. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>x. Phê duyệt quyết định của Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phê duyệt đó là có cơ sở;</p> <p>y. Mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý và Kiểm soát viên;</p>	Bổ sung theo Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

			z. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông.	
34	Khoản 3 Điều 12	<b>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b> 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	<b>Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</b> 3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.	Bổ sung dẫn chiếu cho phù hợp
35	Khoản 1 Điều 13	<b>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</b> 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	<b>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</b> 1. Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Viết lại theo điểm h khoản 2 Điều 32 Dự thảo Điều lệ và khoản 8 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
36	Bổ sung khoản 2 Điều 13 Dự thảo		<b>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</b> 2. Hội đồng Quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc Luật Doanh nghiệp có quy định khác.	Bổ sung theo điểm I khoản 2 Điều 32 Dự thảo Điều lệ và khoản 9 Điều 20 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty



37	Khoản 2 Điều 13	<p><b>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</b></p> <p>2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</b></p> <p>3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này không có quyền biểu quyết.</p>	Viết lại cho rõ ràng và điều chỉnh theo yêu cầu thực tế của Công ty
38	Điểm b, c khoản 1 Điều 14	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 16 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p>	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p>	Viết lại theo Điều 6 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
39	Bổ sung khoản 2 Điều 14 Dự thảo		<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải có yêu cầu bằng văn bản nêu rõ thông tin sau đây:</p> <p>a. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh</p>	Viết lại theo khoản 3 Điều 6 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

			<p>ngiệp hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;</p> <p>b. Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty;</p> <p>c. Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>d. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu, chứng cứ kèm theo phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo địa chỉ trụ sở chính của Công ty. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Hội đồng Quản trị phải trả lời bằng văn bản cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về việc có hay không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	
40	Khoản 2 Điều 14	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>2. Thời hạn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p>	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	Viết lại theo khoản 4 Điều 19 Dự thảo Điều lệ và khoản 4 Điều 6 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
41	Khoản 3 Điều 14	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p>	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b></p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời</p>	Viết lại theo Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và khoản 6 Điều 6 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

		<p>b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>c) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>e) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f) Các công việc khác phục vụ cuộc họp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>họp Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị công bố thông tin về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo này được công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông.</p> <p>c. Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.</p> <p>d. Chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp.</p> <p>e. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp.</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	
42	Khoản 1 Điều 15	<p><b>Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	<p><b>Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>2. Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Một trong số các thành viên này được lựa chọn làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên tiểu ban có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban có tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.</p>	Viết lại theo Điều 38 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
43	Khoản 2 Điều 15	<p><b>Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p><b>Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ quy chế hoạt động của tiểu ban do Hội đồng Quản trị ban hành, Quy chế này, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và Pháp luật có liên quan.</p>	Viết lại theo Điều 38 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

44	Khoản 3,4 Điều 16	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng Quản trị;</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.</p>	Viết lại theo khoản 3 Điều 30 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
45	Khoản 6 Điều 16	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>6. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	Viết lại cho rõ ràng
46	Bổ sung khoản 8 Điều 16 Dự thảo		<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>8. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	Viết lại theo khoản 6 Điều 30 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

47	Khoản 8 Điều 16	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p>	Viết lại theo khoản 7 Điều 30 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
48	Bổ sung khoản 10 Điều 16 Dự thảo		<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>10. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến, qua điện thoại, hình thức nghị sự khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này với điều kiện là khi có thành viên đang ở những địa điểm khác nhau thì mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p>	Viết lại theo khoản 8 Điều 30 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
49	Khoản 9, 10 Điều 16	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p>	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>11. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều 31 Quy chế nội bộ Quản trị Công ty này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p>	Viết lại theo khoản 6 Điều 32 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty



		<p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định trước đó của Hội đồng Quản trị.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	
50	Khoản 12 Điều 16	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>12. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>	Viết lại cho rõ ràng
51	Khoản 1, 2 Điều 17	<p><b>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản, và tất cả thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p><b>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung từ điểm a đến h của khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Pháp luật.</p>	Viết lại theo Điều 34 Dự thảo Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty



52	Bổ sung khoản 3 Điều 17 Dự thảo		<p><b>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp có thể được lập thành nhiều bản và mỗi bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.</p>	Viết lại theo khoản 3 Điều 34 Dự thảo Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty
53	Khoản 5 Điều 17	<p><b>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	<p><b>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</b></p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản tiếng Việt được áp dụng.</p>	Viết lại theo khoản 5 Điều 34 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
54	Bổ sung Điều 18 Dự thảo		<p><b>Điều 18. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Văn bản lấy ý kiến bao gồm văn bản giấy hoặc thư điện tử. Thủ tục này được áp dụng đối với cả họp định kỳ hoặc bất thường theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến bằng văn bản phải gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị chậm nhất 07 ngày trước khi kết thúc thời hạn phải gửi lại ý kiến. Thời điểm kết thúc thời hạn phải gửi lại ý kiến phải được ghi rõ trong văn bản lấy ý kiến.</p> <p>3. Văn bản lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;</li> <li>Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định, lý do, mục đích của việc lấy ý kiến;</li> <li>Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</li> </ol>	Bổ sung theo Điều 35 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và yêu cầu thực tế của Công ty

			<p>d. Thời hạn thành viên Hội đồng Quản trị phải gửi lại ý kiến.</p> <p>4. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản giấy, văn bản lấy ý kiến phải được trả lời với lựa chọn biểu quyết theo một trong ba phương án: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến, phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi tới Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong phong bì dán kín.</p> <p>5. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản qua thư điện tử, văn bản cho ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị được xác định như sau:</p> <p>a. Thư điện tử trả lời trong đó ghi rõ quyết định tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến; hoặc</p> <p>b. Thư điện tử trả lời đính kèm bản chụp văn bản lấy ý kiến được trả lời với lựa chọn biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>6. Văn bản lấy ý kiến được gửi về trong thời hạn yêu cầu nhưng không tuân thủ quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này là không hợp lệ. Văn bản lấy ý kiến không được gửi về và văn bản lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời điểm kết thúc việc lấy ý kiến (kể cả trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản giấy và lấy ý kiến bằng văn bản qua thư điện tử) được coi là không tham gia biểu quyết.</p> <p>7. Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Quản trị được thực hiện khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên có ý kiến trả lời. Trường hợp việc không đủ số thành viên có ý kiến trả lời theo quy định thì việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn phải gửi lại ý kiến. Trường hợp này, việc lấy ý kiến bằng văn bản chỉ cần hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị có ý kiến trả lời.</p> <p>8. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên có ý kiến trả lời tán thành; trường hợp ý kiến trả lời ngang nhau thì quyết định</p>	
--	--	--	--	--

			<p>cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p> <p>9. Các nghị quyết, quyết định Hội đồng Quản trị được thông qua có hiệu lực ngay tại thời điểm được đa số thành viên có ý kiến trả lời tán thành và có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký ban hành nghị quyết, quyết định nhân danh Hội đồng Quản trị.</p> <p>10. Việc tổng hợp kết quả lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị phải lập thành biên bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thư ký. Biên bản tổng hợp kết quả, văn bản lấy ý kiến và ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ theo quy định chung.</p>	
55	Khoản 2,3 Điều 18	<p><b>Điều 18. Trình báo cáo hằng năm</b></p> <p>2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.</p> <p>3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p><b>Điều 19. Trình báo cáo hằng năm</b></p> <p>2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.</p> <p>3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	Viết lại cho rõ ràng
56	Khoản 2 Điều 19	<p><b>Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù</p>	<p><b>Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng</p>	Viết lại theo Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

		lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	
57	Khoản 4 Điều 19	<b>Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b> 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	<b>Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị</b> 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.	Viết lại theo Điều 33 Dự thảo Điều lệ
58	Bỏ Khoản 6 Điều 19	<b>Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b> 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.		Nội dung đã được quy định tại điểm y khoản 2 Điều 12 Dự thảo Quy chế này (xem tại Điều 12)
59	Bỏ đoạn đầu Điều 20	<b>Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan</b> Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:		Loại bỏ vì dẫn chiếu không cần thiết
60	Điều 22	<b>Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành</b>	<b>Điều 23. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và ban điều hành</b>	Sửa đổi tiêu đề cho phù hợp với cơ cấu Công ty